

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM PHÁT TRIỂN QUAN HỆ VIỆT NAM - TRUNG QUỐC SAU BÌNH THƯỜNG HOÁ

ThS NGUYỄN THỊ MAI HOA*

Từ sau bình thường hoá quan hệ Việt Nam - Trung Quốc (11-1991), đến nay, quan hệ hai nước trên tất cả mọi lĩnh vực đều đã được khôi phục và ngày càng được củng cố, phát triển trên cơ sở hiểu biết lẫn nhau, với nền tảng vững chắc là lợi ích chung, cơ bản, lâu dài. Về phía Việt Nam, có được thành tựu đó chính là nhờ sự nỗ lực trong lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng nhằm hạn chế, thu hẹp bất đồng, khai thác và phát huy những điểm đồng đã có và mới xuất hiện để phát triển và nâng cao hơn nữa quan hệ giữa hai nước theo phương châm 16 chữ vàng.

1. Những thành tựu chủ yếu trong quan hệ Việt Nam-Trung Quốc sau bình thường hoá

Sau bình thường hoá, quan hệ Việt Nam - Trung Quốc đã đạt được những bước tiến lớn trong mọi lĩnh vực, tạo điều kiện thúc đẩy quan hệ hai nước tiếp tục phát triển hơn nữa trong thế kỷ XXI.

Về chính trị, trong những năm qua, quan hệ chính trị giữa Việt Nam - Trung Quốc ngày càng phát triển. Thành tựu lớn nhất mà hai nước đã đạt được là khép lại quá khứ, xây dựng, phát triển tình hữu nghị. Đó là bước đi quan trọng, đặt nền tảng để hai nước tiếp tục hợp tác sâu rộng trong lĩnh vực này.

Từ bình thường hoá đến nay (1991-2004), sự nhất trí về quan điểm, nhận thức trong nhiều vấn đề được thể hiện qua các chuyến thăm viếng hữu nghị của các nhà lãnh đạo Đảng và Nhà nước, các cuộc gặp gỡ, các cuộc hội đàm cấp cao giữa hai nước. Những hoạt động này không chỉ có ý nghĩa tích cực về chính trị, ngoại giao mà còn thể hiện sự nỗ lực của Đảng, nhân dân hai nước mong muốn xây dựng mối quan hệ thật sự hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

Với vai trò là thành viên có tiếng nói quan trọng trong Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á-Thái Bình Dương (APEC), Trung Quốc đã tích cực ủng hộ Việt Nam gia nhập tổ chức này. Việt Nam, với tư cách là thành viên chính thức của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), đã tích cực ủng hộ Trung Quốc trở thành bên đối thoại chính thức của Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF), tạo điều kiện để Trung Quốc phát triển quan hệ với các nước ASEAN. Qua đó, quan hệ giữa hai nước ngày càng phát triển, không những qua kênh song phương, mà còn qua kênh đa phương. Mối quan hệ đa phương của mỗi nước lại tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển mối quan hệ song phương được đặt trong xu thế toàn cầu hoá, khu vực hoá. Đây là nội dung hợp tác mới trong quan hệ Việt Nam - Trung Quốc, mở rộng không gian hợp tác giữa hai nước.

* Trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giảng viên lý luận chính trị, Đại học quốc gia Hà Nội

Tháng 12-1999, *Hiệp định biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc* và tháng 12-2000 *Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ* được ký kết chứng tỏ hai nước đã đi đến những nhận thức tương đồng trong một vấn đề khó khăn, phức tạp, nhạy cảm do lịch sử để lại. Các Hiệp định cho thấy Việt Nam sẵn sàng giải quyết mọi tranh chấp về biên giới lãnh thổ, về các vùng biển, thềm lục địa với các nước láng giềng trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, phù hợp với luật pháp và tập quán quốc tế. Các hiệp định trên còn có ý nghĩa sâu xa khẳng định trên thực tế chủ quyền bình đẳng giữa các quốc gia.

Về kinh tế, hợp tác kinh tế- thương mại là lĩnh vực mà Đảng, Nhà nước Việt Nam luôn quan tâm và tìm các giải pháp thúc đẩy phát triển. Vì thế, cùng với quan hệ chính trị, quan hệ kinh tế giữa hai nước ngày càng gia tăng, đặc biệt là quan hệ thương mại. Điểm nổi bật trong quan hệ kinh tế Việt Nam - Trung Quốc thời gian qua là mối quan hệ hai bên cùng có lợi và phát triển theo đà của công cuộc đổi mới, cải cách, bằng những hình thức phong phú. So với trước đây (thời kỳ chiến tranh chống Pháp và chống Mỹ), quan hệ kinh tế giữa hai nước thời gian qua có sự thay đổi lớn cả về lượng và chất. Cho đến nay, hai nước đã ký hơn 20 hiệp định hợp tác về kinh tế hoặc có liên quan đến kinh tế như: Hiệp định thương mại (11-1991); Hiệp định hợp tác kinh tế - kỹ thuật (2-1992); Hiệp định thanh toán và hợp tác giữa ngân hàng hai nước (5-1993); Hiệp định quá cảnh về hàng hoá (4-1994); Hiệp định về tránh đánh thuế hai lần và chống lậu thuế (5-1995); Hiệp định về buôn bán biên giới (1998)... Ngoài ra một số bộ, ngành, địa phương của 2 nước cũng ký nhiều văn bản hợp tác kinh tế, thương mại song phương. Tất cả những văn

bản nêu trên là cơ sở pháp lý để đẩy mạnh quan hệ kinh tế- thương mại đôi bên.

Trung Quốc trở thành một trong những đối tác thương mại quan trọng của Việt Nam. Hàng hóa Trung Quốc chiếm 6,2 % tổng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam. Trung Quốc giữ "vị trí thứ 7 trong hơn 100 nước và vùng lãnh thổ"¹ có quan hệ thương mại với Việt Nam. Kim ngạch thương mại giữa hai nước ngày càng tăng. Nếu như năm 1991 chỉ có hơn 37 triệu USD, thì đến "năm 2000 đã tăng lên 2,46 tỷ USD"²; năm 2001, đạt 3 tỷ USD, vượt xa năm 2000 và khả năng sẽ đạt trên 5 tỷ vào năm 2005. Như vậy, từ năm 1991 đến nay, kim ngạch thương mại chính ngạch giữa Việt Nam và Trung Quốc đã tăng gần 100 lần.

Đầu tư của Trung Quốc vào Việt Nam cũng có bước phát triển, đạt mức trung bình so với các nước và khu vực có vốn đầu tư trực tiếp tại Việt Nam.

Về văn hoá, giáo dục, du lịch, Trung Quốc và Việt Nam vốn là hai quốc gia có nhiều nét tương đồng về văn hoá. Sau khi quan hệ hai nước trở lại bình thường, quan hệ văn hoá cũng được nổi lại sau chuyến thăm chính thức Việt Nam của đoàn đại biểu Trung Quốc do Thứ trưởng Bộ văn hoá thông tin Lưu Đức Hữu dẫn đầu (từ ngày 15 đến 18-11-1992). Thứ trưởng Bộ văn hoá hai nước đã hội đàm và ký tắt các hiệp định văn hoá, mở đầu cho việc khôi phục giao lưu văn hoá Việt Nam - Trung Quốc.

Thực hiện kế hoạch trao đổi văn hoá, hàng năm Việt Nam đã cử hơn 100 đoàn đại biểu văn hoá sang thăm và làm việc tại Trung Quốc: tổ chức triển lãm mỹ thuật, trao đổi nghiên cứu các lĩnh vực bảo tồn, bảo tàng, mỹ thuật, báo chí, văn học, nghệ thuật, điện ảnh, thể dục- thể thao... Các hoạt động văn hoá đã

góp phần tăng cường tình hữu nghị, sự hiểu biết lẫn nhau giữa nhân dân hai nước.

Về giáo dục, từ năm 1991, hợp tác giữa hai nước trên lĩnh vực này được khôi phục và từng bước phát triển. Tính đến nay, đã có hơn 20 trường đại học của Việt Nam có quan hệ giao lưu, hợp tác với trên 40 trường đại học và học viện của Trung Quốc. Hàng năm, Bộ giáo dục-đào tạo đã cấp học bổng toàn phần, tiếp nhận 5-10 thực tập sinh Trung Quốc sang học tập tại các trường đại học Việt Nam.

Quan hệ hợp tác trên lĩnh vực du lịch cũng phát triển mạnh. Hai nước đã ký Hiệp định hợp tác du lịch vào tháng 4-1994, tạo tiền đề vững chắc cho sự hợp tác toàn diện, lâu dài. Từ sau khi Hiệp định được ký kết, Trung Quốc đã có 7 dự án đầu tư vào du lịch- khách sạn ở Việt Nam, với tổng số vốn 28,5 triệu USD, nếu kể cả những dự án đầu tư của đặc khu Hồng Kông thì có 34 dự án với tổng số vốn là 452,9 triệu USD, “chiếm khoảng 4 % tổng số vốn nước ngoài đầu tư vào du lịch Việt Nam”³. Lượng khách du lịch Trung Quốc vào Việt Nam tăng đáng kể qua từng năm. Việt Nam luôn coi Trung Quốc là một trong những thị trường du lịch nguồn, trọng điểm.

Sự hợp tác nhiều mặt giữa Việt Nam - Trung Quốc trong thời gian qua đã có tác dụng tích cực đến công cuộc cải cách, mở cửa và đổi mới của mỗi nước.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam phát triển quan hệ Việt Nam-Trung Quốc sau khi bình thường hoá

ĐCS Việt Nam là người tổ chức và lãnh đạo mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. ĐCS Việt Nam là người lãnh đạo toàn diện, tạo tiền đề, điều kiện thuận lợi để quan hệ Việt Nam-Trung Quốc ngày càng phát triển.

Thứ nhất, ĐCS Việt Nam đã điều chỉnh chính sách đối ngoại dựa trên tư duy mới trong

các vấn đề về quan hệ quốc tế là điều kiện tiên quyết cho sự phát triển quan hệ Việt Nam-Trung Quốc.

Trong bối cảnh quốc tế, trong nước có nhiều khó khăn và diễn biến hết sức phức tạp, công cuộc đổi mới của Việt Nam được tiến hành từ năm 1986, tạo ra một bước ngoặt trong tiến trình phát triển của đất nước. Đại hội VI của Đảng (12-1986) đã đưa ra quan điểm: “Ra sức kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại...”⁴. Thực chất của sự đổi mới tư duy ở đây là thay thế quan niệm phát triển “khép kín” trong thế đối đầu thời kỳ chiến tranh lạnh bằng quan niệm phát triển dựa vào mở cửa và hội nhập quốc tế. Nó phù hợp những xu hướng mới trong quan hệ quốc tế: xu hướng đối thoại thay cho đối đầu, xu hướng đa dạng hoá quan hệ đối ngoại; xu hướng tăng cường hợp tác khu vực và đặc biệt xu hướng ưu tiên cho phát triển kinh tế... Cách tiếp cận mới này bắt nguồn từ yêu cầu phá vỡ tình trạng bị cô lập, bao vây về chính trị, cấm vận về kinh tế do các thế lực thù địch gây ra và do những thay đổi trong tình hình quốc tế và khu vực, cũng như trong cộng đồng các nước XHCN.

Nhận thức đúng những biến động của tình hình thế giới và xu thế quốc tế hóa, nhất là “xu thế mở rộng phân công, hợp tác giữa các nước”⁵, Đảng ta đã kịp thời điều chỉnh chiến lược đối ngoại với tinh thần phát triển mạnh mẽ quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước, tham gia tích cực vào đời sống quốc tế, thực hiện nhất quán quan điểm: “Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển”⁶. Đây chính là cơ sở để thúc đẩy phát triển quan hệ Việt Nam-Trung Quốc sau bình thường hoá. Quan điểm đó được thể hiện rõ nét qua những nội dung chính trong chính

sách đối ngoại của Đảng tại các Đại hội VIII, Đại hội IX.

Đại hội VIII (6-1996) và nhất là Đại hội IX (4-2001) đã phân tích những đặc điểm của tình hình thế giới và trong nước, khẳng định những nguyên tắc, những quan điểm cơ bản chỉ đạo chính sách đối ngoại của Đảng, đề ra nhiệm vụ đối ngoại: “Tiếp tục giữa vững môi trường hoà bình và tạo điều kiện quốc tế thuận lợi để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hoá đất nước... Mở rộng quan hệ với các nước và vùng lãnh thổ, các trung tâm chính trị, kinh tế quốc tế lớn... Coi trọng và phát triển quan hệ hữu nghị với các nước xã hội chủ nghĩa và các nước láng giềng”⁷. Với định hướng đối ngoại này, quan hệ Việt Nam - Trung Quốc phát triển lên một bước mới về chất, hướng tới thế kỷ XXI với sự hợp tác toàn diện, trên cơ sở bình đẳng, hai bên cùng có lợi.

Thứ hai, ĐCS Việt Nam đã nắm bắt chính xác tình hình, phát hiện kịp thời những thời cơ mới, tranh thủ những nhân tố có lợi cho việc phát triển quan hệ với Trung Quốc.

Hiện nay, mục đích lớn nhất của Trung Quốc là thực hiện thành công công cuộc cải cách, mở cửa, hướng tới mục tiêu trở thành một cực trong thế giới đa cực. Để đạt được mục đích này, Trung Quốc rất cần có môi trường hoà bình. Và một nước Việt Nam hoà bình, ổn định, phát triển, chắc chắn sẽ là nhân tố quan trọng bảo đảm lợi ích an ninh biên giới và quốc gia của Trung Quốc. Hơn nữa, là thành viên ASEAN - đối tác quan trọng của Trung Quốc, Việt Nam tiếp tục tạo điều kiện cho Trung Quốc hợp tác toàn diện, nhiều tầng nấc với tổ chức này. Phát triển quan hệ với Việt Nam, Trung Quốc sẽ mở rộng thị trường Đông Nam Á; duy trì mối quan hệ ổn định với các nước ASEAN; kiểm chế Mỹ.

Như vậy, lợi ích an ninh chính trị, lợi ích kinh tế và lợi ích quốc gia của Trung Quốc sẽ được đáp ứng, nếu tiếp tục mở rộng quan hệ với Việt Nam.

Đảng ta đã nhận thức rõ ràng được điều đó và kịp thời điều chỉnh chính sách đối ngoại cho phù hợp với tình hình thực tế. Nó được thể hiện cụ thể trong đường lối, chính sách đối ngoại của Việt Nam qua các Đại hội VI, VII, VIII, IX và các hội nghị Trung ương, nghị quyết Bộ chính trị và thường xuyên được bổ sung, phát triển phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam, thích ứng với tình hình quốc tế.

Thứ ba, ĐCS Việt Nam xác định rõ vị trí của quan hệ Việt Nam với Trung Quốc trong chính sách đối ngoại, để từ đó có những biện pháp thúc đẩy quan hệ thích hợp.

Chính sách đối ngoại “là bạn với tất cả các nước” của Đảng ta thể hiện tầm nhìn chiến lược của ĐCS Việt Nam. Trung Quốc có một vị trí đặc biệt quan trọng trong chính sách đối ngoại của Việt Nam. Trung Quốc không chỉ là một nước láng giềng, mà còn là một nước lớn, một nước XHCN. Sau khi quan hệ Việt Nam - Trung Quốc được bình thường hoá, Đảng và Nhà nước Việt Nam tiếp tục coi trọng việc không ngừng củng cố và phát triển quan hệ với Trung Quốc với phương châm triệt để phát huy những điểm đồng, hạn chế những bất đồng, vừa hợp tác, vừa đấu tranh để phát huy mặt tích cực, kết hợp chặt chẽ mọi lĩnh vực quan hệ: kinh tế, chính trị, văn hoá... nhằm thúc đẩy quan hệ hai nước phát triển toàn diện. Đồng thời tăng cường ngoại giao nhân dân của các đoàn thể quần chúng và các tổ chức xã hội, nghề nghiệp, khoa học, văn hoá, nghệ thuật... Sự kết hợp giữa ngoại giao nhà nước và ngoại giao nhân dân càng góp phần tăng cường hơn nữa quan hệ hai nước, sự giao lưu giữa hai dân tộc.

Điều đó cho thấy, ĐCS Việt Nam luôn coi quan hệ Việt Nam - Trung Quốc là mối quan hệ đặc biệt; coi việc phát triển quan hệ với Trung Quốc là một ưu tiên trong chính sách đối ngoại của mình và không ngừng nỗ lực nhằm mở rộng quan hệ giữa hai nước cả bề rộng lẫn bề sâu.

Thứ tư, thực hiện thắng lợi đường lối đổi mới đất nước, khẳng định vị trí của Việt Nam trên trường quốc tế, tạo thuận lợi cho việc hợp tác toàn diện với Trung Quốc.

Công cuộc đổi mới của nhân dân Việt Nam thu được kết quả khả quan. Kinh tế - xã hội phát triển, chính trị ổn định đã tạo thế mạnh cho Việt Nam trong quan hệ đối ngoại. Hiện nay, Việt Nam đang tích cực tham gia quá trình hội nhập quốc tế và khu vực. Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 167 nước, mở rộng quan hệ thương mại với 150 nước; tranh thủ đầu tư trực tiếp của các tập đoàn và công ty thuộc 70 nước và vùng lãnh thổ; tranh thủ được viện trợ phát triển của 45 nước và tổ chức tài chính quốc tế, tranh thủ vốn đầu tư nước ngoài với 42 tỷ USD và trên 3000 dự án, trong đó đã thực hiện khoảng 21 tỷ USD. Việt Nam đã ký Hiệp định thương mại với Mỹ (2001); trong mấy năm gần đây là nước giữ được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và ổn định trong khu vực và trong tương lai sẽ gia nhập tổ chức WTO.

Trên trường quốc tế, tiếng nói của Việt Nam đã có trọng lượng hơn. Uy tín và hình ảnh của một Việt Nam đổi mới, phát triển, muốn làm bạn với tất cả các nước đã ngày một rõ, góp phần đưa vị thế của đất nước lên tầm cao mới, tạo điều kiện thuận lợi cho quan hệ Việt Nam- Trung Quốc sau bình thường hoá đến nay phát triển một cách hiệu quả.

Lịch sử Việt Nam đã chứng minh rằng, việc bang giao với các nước lớn, các nước láng

giềng có ý nghĩa quan trọng đối với vận mệnh và tiền đồ của đất nước. Thuận lợi hay khó khăn, được ủng hộ hay là bị cô lập..., một phần rất quan trọng từ việc xử lý quan hệ với các nước lớn, với Trung Quốc, nước lớn kề cận, có quan hệ nhiều mặt và có những tác động nhất định đến tiến trình phát triển của Việt Nam. Có thể khẳng định, thành tựu mà chúng ta đã đạt được trong quan hệ với Trung Quốc sau bình thường hoá là do Đảng ta đã lãnh đạo, chỉ đạo quá trình đó một cách toàn diện, là kết quả của tư duy biện chứng, khoa học của Đảng trước những biến chuyển quan trọng của tình hình quốc tế, trước những yêu cầu của công cuộc đổi mới đất nước. Tư duy đối ngoại đổi mới thể hiện sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng chính là một trong những nhân tố dẫn đến việc Việt Nam đạt được những thành tựu to lớn trong quan hệ quốc tế nói chung và quan hệ với Trung Quốc nói riêng.

1. Trần Văn Độ: “Quan hệ thương mại Việt Nam-Trung Quốc sau khi bình thường hoá”, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc*, số 6 (22), tr. 24

2. Đỗ Tiến Sâm, Furutamotoo (chủ biên): *Chính sách đối ngoại rộng mở của Việt Nam và quan hệ Việt Nam - Trung Quốc*, CTQG, H, 2003, tr.152

3. Nguyễn Văn Xuân: “Tình hình du lịch Trung Quốc và bước đầu hợp tác du lịch Việt - Trung”, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc* số 5 (33), tr.45

4. ĐCS Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, ST, H, 1987, tr.62

5. ĐCS Việt Nam: *Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6, BCHTW (Khóa VI)*, CTQG, H, tr.30

6. ĐCS Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, ST, H, 1991, tr.147

7. ĐCS Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, CTQG, H, 2001, tr.42.